

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được ưu tiên miễn, giảm tiền ký quỹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.

Căn cứ Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3288/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng đất, mặt nước; công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng - kinh doanh khu đô thị, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tại Công văn số 672/BXTĐT-PTDA ngày 05/8/2013 Về việc rà soát, đề xuất danh mục các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thuộc diện ưu tiên không phải ký quỹ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được ưu tiên miễn, giảm tiền ký quỹ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, như sau:

1. Miễn tiền ký quỹ đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

1.1. Đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp thực hiện tại vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể theo danh mục tại Phụ lục số 1 kèm theo.

1.2. Đối với các dự án đầu tư tại địa bàn thuộc: Huyện Ba Chẽ, huyện Bình Liêu, huyện đảo Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc Tỉnh, cụ thể theo danh mục tại Phụ lục số 2 kèm theo.

BAN XÚC TIẾN VÀ
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUẢNG NINH

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2146/QĐ-UBND

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

2. Giảm tiền ký quỹ đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

Đối với các danh mục dự án nêu tại *tại Phụ lục số 2 kèm theo*, khi thực hiện đầu tư tại vùng nông thôn trên địa bàn Tỉnh (trừ các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện: Ba Chẽ, Bình Liêu, Cô Tô và các đảo, hải đảo thuộc Tỉnh), được giảm 50% tổng số tiền ký quỹ theo khu vực quy định tại khoản 2, Điều 8 Quyết định số 3288/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

3. Các dự án nông nghiệp thuộc trường hợp miễn, giảm tiền ký quỹ phải cam kết tiến độ, lộ trình thực hiện dự án hàng năm bằng văn bản và thực hiện việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Nếu dự án không triển khai theo đúng tiến độ đã cam kết, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thu hồi dự án theo quy định của pháp luật hiện hành mà không được bồi thường các chi phí đã đầu tư.

4. Đối với các dự án đặc thù khác trong lĩnh vực nông nghiệp đầu tư tại khu vực nông thôn (ngoài quy định tại các mục 1 và 2 nêu trên), tùy từng trường hợp cụ thể và căn cứ sự cần thiết, quy mô công trình, diện tích sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất cụ thể việc miễn, giảm tiền ký quỹ của dự án; báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét quyết định và chịu trách nhiệm về đề xuất của mình.

5. Các định nghĩa chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn áp dụng theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.

6. Các nội dung khác liên quan đến việc ký quỹ, gia hạn thời gian nộp tiền ký quỹ, hoàn trả tiền ký quỹ đầu tư... thực hiện theo Quyết định số 3288/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Trưởng ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành thuộc Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0-V3, QLĐĐ1, XD1-3, NLN2;
- Lưu: VT, NLN1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đạc



PHỤ LỤC 1

Kèm theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

1. Trồng, chăm sóc rừng, cây dược liệu.
2. Nuôi trồng thủy sản trên vùng nước hoang hóa, vùng nước chưa được khai thác, trên biển, trên hải đảo; trồng cây nông, lâm nghiệp trên các đảo (trừ Vịnh Hạ Long).
3. Đầu tư các phương tiện, ngư cụ phục vụ đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy, hải sản.
5. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, thoát nước.
6. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản, thuốc thú y.
7. Ứng dụng công nghệ sinh học.
8. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
9. Phát triển và ươm tạo công nghệ cao.
10. Chăn nuôi, sản xuất gia cầm, gia súc tập trung.
11. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
12. Dịch vụ tư vấn khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật.
13. Dịch vụ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh ở vùng nông thôn.
14. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
15. Đầu tư cơ sở vật chất để trưng bày, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ.
16. Cơ sở ươm, trồng cây phục vụ phát triển cây xanh đô thị (khu vườn ươm).
17. Đầu tư dự án khu triển lãm giới thiệu sản phẩm tại vùng nông thôn.
18. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia

cầm, gia súc tập trung, công nghiệp.

19. Chế biến nông, lâm, thủy sản; bảo quản nông, lâm sản, thủy sản sau thu hoạch.

20. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp – nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn;

21. Cơ sở sản xuất máy phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

22. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghệ chế biến thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

PHỤ LỤC 2



Kiểm theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

1. Thủy điện vừa và nhỏ (quy mô đến nhóm B); dự án năng lượng mới: điện mặt trời, điện gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều; năng lượng tái tạo không phân biệt quy mô.

2. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

3. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.

4. Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

5. Xây dựng: Khu du lịch sinh thái, khu du lịch quốc gia; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại: siêu thị, trung tâm thương mại, kho, trung tâm logistics.

7. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

8. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc da, sơ chế da; sản xuất thiết bị máy móc cho ngành dệt, ngành may, ngành da.